

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2024/DS-ST
Ngày 04-12-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Châu Hoàng Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý H, sinh năm: 1942 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn U, huyện U, tỉnh C

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm H1, là trợ giúp viên pháp lý (có mặt).

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C.

- Bị đơn: 1. Ông Trần Văn S;

2. Bà Lê Tuyết M (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện U, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn ông Lý H trình bày: ông và vợ chồng ông S, bà M có quan hệ bà con nên ngày 18/10/2017 âm lịch vợ chồng ông S và bà M có mượn của ông hai lượng rưỡi (25 chỉ) vàng 24K và 50kg lúa giống. Khi nhận vàng và lúa mượn thì có ghi giấy biên nhận nợ, có hứa miêng khoảng 06 tháng trả lại. Nhưng từ khi mượn vàng và lúa đến nay ông S và bà M không trả vàng và lúa cho ông, ông có đòi nhiều lần nhưng ông S và

bà M hứa hẹn rồi né tránh không thực hiện việc trả nợ. Ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M phải có trách nhiệm trả cho ông 2 chỉ vàng 24K và 50 kg lúa giống.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Cẩm H1 trình bày: Việc cho mượn vàng và lúa giống giữa ông H với ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M là thực tế có xảy ra thể hiện tại biên nhận ngày 18/10/2017 và việc ông H trình bày ông S, bà M còn nợ ông 2 chỉ vàng 24k và 50 kg lúa giống là có căn cứ. Căn cứ theo quy định tại điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý H, buộc ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M trả cho ông Lý H 25 chỉ vàng 24k và 50 kg lúa giống.

- Bị đơn ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của ông Lý H đòi ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M trả lại tiền được xác định là tranh chấp dân sự về việc vay tài sản và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lý H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông H, ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M.

[2] Về nội dung:

- Xét thấy, việc ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M có nhận vàng và mượn lúa giống của ông Lý H là có thật, thể hiện tại biên nhận 18/10/2017 đã có chữ viết và chữ ký của ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng về việc ông H yêu cầu vợ chồng bà M và ông S trả vàng và lúa nhưng sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông S, bà M không có văn bản thể ý kiến phản đối. Căn cứ vào biên nhận có chữ ký của ông S và bà M, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M có vay vàng và mượn lúa của ông Lý H, ông Lý H xác định ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M chưa trả số tiền này nên ông Lý H yêu cầu ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M trả tiền là có căn cứ chấp nhận. Đối với lúa giống trong biên nhận thể hiện không xác định loại gì nên Hội đồng xét xử chỉ xác định loại lúa trung bình ở địa phương.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, buộc ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lý H 25 chỉ vàng 24K và 50kg lúa (loại lúa trung bình tại thời điểm thanh toán).

Giá lúa trung bình tại thời điểm xét xử được Hội đồng xét xử xác định là 8.000/kg; giá vàng 24K tại thời điểm xét xử được xác định là 8.290.000đồng/chỉ.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Yêu cầu của ông H được chấp nhận nên không phải chịu án phí, ông H không nộp tạm ứng án phí do thuộc trường hợp được miễn.

Ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M phải liên đới chịu án phí là (25 chỉ vàng 24K x 8.290.000 đồng) 207.250.000 đồng + 400.000 đồng (50kg lúa x 8.000 đồng) = 207.650.000 X 5% = 10.382.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý H đối với ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M. Buộc ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M trả cho ông Lý H 25 (hai mươi lăm) chỉ vàng 24K và 50 kg lúa (loại lúa trung bình tại thời điểm thanh toán).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn S và bà Lê Tuyết M liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.382.500 đồng (Mười triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm) đồng.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng